

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 7 năm 2021
Về “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

2/ Ông Võ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần C - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Xóm 8, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa (Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/5/2021)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị A - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, Khánh Hòa - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021, bản tự khai ngày 07/5/2021, đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 28/5/2021, nguyên đơn ông Trần C trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị A kết hôn từ năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 07/3/2008). Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã quá trầm trọng, không hòa giải được. Cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà A.

Ông và bà Huỳnh Thị A có 02 con chung là Trần Huỳnh G - sinh ngày 21/9/2010 và Trần K – sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với bà A rất tốt. Ông yêu cầu giao bà A nuôi cả hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Ông và bà A không có nợ chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14/5/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/202, bị đơn bà Huỳnh Thị A trình bày:

Tôi và ông Trần C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/2/2008. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi nhau. Nguyên nhân là chúng tôi bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống không có hạnh phúc. Ngoài ra, ông C còn có tính hay ghen tuông vô cớ nên hay đánh đập chửi mắng, xúc phạm tôi thậm tệ. Tôi đã cho ông C nhiều cơ hội đề hàn gắn tình cảm nhưng ông C vẫn không thay đổi. Từ năm 2018 chúng tôi đã sống ly thân, tôi vẫn ở nhà cha mẹ tôi tại Thôn Đ, xã B, huyện C, Khánh Hòa; ông C về nhà cha mẹ ông ở Thái Bình. Nay tôi không còn tình cảm với ông C, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trần Huỳnh G, sinh ngày 21/9/2010 và Trần K, sinh ngày 17/4/2015. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

* Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Trần C cung cấp: Đơn khởi kiện; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh các con; bản phô Căn cước công dân ông C; bản tự khai; đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt.

* Tài liệu chứng cứ do bị đơn bà Huỳnh Thị A nộp Tòa án: bản sao CMND, Bản tự khai.

* Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bị đơn.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông C và bà A được ly hôn, giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Ông C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn ông Trần C- trú tại Xóm 8, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình và bị đơn bà Huỳnh Thị A- trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện C, Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn ông Trần C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

[3] Về hôn nhân: Ông Trần C và bà Huỳnh Thị A tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 07/3/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông C và bà A chung sống với nhau cùng gia đình chồng ở Thái Bình một thời gian rồi về sống tại nhà cha mẹ bà A ở thôn Tân Sinh, xã Cam Thành Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau; nguyên nhân là do ông C gia trưởng, mọi việc bà A làm đều không vừa ý chồng, ông C cờ bạc dẫn đến nợ nần không trả được. Bà A đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông C không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân, ông C về nhà cha mẹ ông ở Thái Bình.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Trần C và bà Huỳnh Thị A đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C yêu cầu ly hôn và bà A cũng đồng ý. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông C.

[4] Ông Trần C và bà Huỳnh Thị A có hai con chung là Trần Huỳnh G - sinh ngày 21/9/2010 và Trần K – sinh ngày 17/4/2015, các cháu khỏe mạnh bình thường không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, đang do bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng giáo con chung, ông không cấp dưỡng cho con. Bà A cũng yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Xét thấy yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Ông Trần C và bà Huỳnh Thị A xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ông Trần C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần C.

1. Về hôn nhân: Ông Trần C được ly hôn bà Huỳnh Thị A.

2. Về con chung: Giao bà Huỳnh Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung là Trần Huỳnh G - sinh ngày 21/9/2010 và Trần K – sinh ngày 17/4/2015. Ông Trần C không cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Ông Trần C và bà Huỳnh Thị A xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Ông Trần C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008727 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông C đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn ông Trần C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm. Bị đơn bà Huỳnh Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N,
- huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng